| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THUỶ NGUYÊN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 123/2019/HS-ST
Ngày 28-11-2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Đình Điệu

Ông Hoàng Đức Cảnh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 122/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. L, sinh năm 1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Cây Quân, xã K, huyện N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông V và bà Ư; có vợ H (đã ly hôn) và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 261/QĐ-TA ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng với thời hạn 22 tháng; bị bắt tạm giam từ ngày 22 tháng 8 năm 2019; có mặt.

2. X, sinh năm 1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Giữa, xã K, huyện N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T và bà Đ; chưa có vợ con; tiền án: Bản án số 100/2008/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2008 Tòa án

nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xử phạt 10.000.000 đồng về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 75/QĐ-XPHC ngày 05 tháng 6 năm 2013 của Công an huyện N, thành phố Hải Phòng về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền (đã được xóa), quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 103/QĐ-TA ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng với thời hạn 18 tháng; bị bắt tạm giam từ ngày 22 tháng 8 năm 2019; có mặt.

- *Bị hại*: Anh B, sinh năm 1974 và chị T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn Giữa, xã K, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Anh B, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn 7, xã K, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 02 tháng 5 năm 2019 L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter Gravita biển kiểm soát 16H6 - 6321 có gắn kích điện với bình ắc quy của xe mô tô và 01 tròng làm bằng 01 đoạn cây kim loại thân hình trụ tròn, quấn băng dính màu đen, một đầu bằng đoạn kim loại mềm được uốn thành vòng tròn đường kính khoảng 30cm, 02 bao tải dứa đi đến nhà X và rủ X cùng đi trộm cắp chó để bán lấy tiền ăn tiêu, X đồng ý. X điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16H6 - 6321 chở L ngồi sau cầm theo cây tròng. Khi đến khu vực đường liên thôn thuộc thôn Giữa, xã K, huyện N, thành phố Hải Phòng phát hiện một con chó màu lông vàng trọng lượng khoảng 30 kg đang thả rông chạy trên đường liên thôn. X điều khiển xe mô tô áp sát con chó, L ngồi sau xe mô tô cầm cây tròng vợt tròng vào cổ con chó. Khi L đã vợt tròng vào cổ con chó, X bật công tắc kích điện làm con chó bị điện giật choáng ngất. L kéo lê con chó khoảng 05 đến 06m thấy con chó không giãy giụa, X và L đã xuống xe lấy con chó cho vào bao tải dứa. Sau đó X điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16H6-6321 chở L ngồi sau xe mô tô ôm bao tải dứa đựng con chó đến nhà anh B, sinh năm 1987 ở thôn 7, xã K, huyện N, thành phố Hải Phòng bán được 2.000.000 đồng. X tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16H6-6321 chở L đi đến khu vực xã Thủy Đường, huyện N, thành phố Hải Phòng với mục đích để trộm cắp chó thì bị phát hiện, L bị bắt giữ, còn X bỏ chạy thoát. Công an xã Thủy Đường đã thu giữ của L 01 xe mô tô nhãn hiệu

Jupiter biển kiểm soát 16H6 - 6321 có gắn 01 kích điện với bình ắc quy, 01 tròng quấn băng dính màu đen, 02 bao tải dứa và số tiền 2.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã truy tìm xác định con chó lông màu vàng mà L và X chiếm đoạt là của anh B, sinh năm 1974 và chị T, sinh năm 1979 ở thôn Giữa, xã K, huyện N, thành phố Hải Phòng. Anh B và chị T khai con chó gia đình anh chị bị mất là chó đực, lông màu vàng, trọng lượng khoảng 30 kg trị giá 2.100.000 đồng. Anh B và chị T không yêu cầu L và X phải bồi thường thiệt hại trị giá con chó. Anh B không biết con chó do L và X trộm cắp mà có nên đã đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng, sau khi mua chó anh B đã giết thịt và bán, nay anh B không có yêu cầu gì.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 01 con chó của anh B trị giá 2.400.000 đồng.

Bản cáo trạng số 121/CT-VKSTN ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo L và X về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo L và X đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng. Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng truy tố về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng nhưng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng trình bày lời luận tội đối với các bị cáo L và X, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị kết tội các bị cáo L và X theo toàn bộ nội dung cáo trạng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ Luật Hình sự xử phạt bị cáo L từ 18 tháng đến 24 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo X từ 18 tháng  đến 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 22 tháng 8 năm 2019). Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo L và X. Về dân sự: Bị hại là anh B và chị T không yêu cầu

các bị cáo L và X phải bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 cây tròng chó (01 đoạn cây bằng kim loại thân hình trụ tròn, quấn băng dính màu đen, một đầu bằng đoạn kim loại mềm được uốn thành vòng tròn đường kính khoảng 30cm), 02 bao tải, 01 hộp kích điện kích thước 11x13x07cm vỏ bằng nhựa màu trắng, 01 công tắc điện màu trắng cùng hệ thống dây điện đấu nối; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000 đồng thu của bị cáo L. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo L và X, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N và Kiểm sát viên thu thập; tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên thu thập; hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên thu thập và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thu thập và thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo L và X tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản vụ việc, kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ căn cứ

kết luận: Ngày 02 tháng 5 năm 2019 các bị cáo L và X đã thực hiện hành vi sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter Gravita biển kiểm soát 16H6 - 6321 có gắn 01 hộp kích điện kích thước 11x13x07cm vỏ bằng nhựa màu trắng, 01 công tắc điện màu trắng cùng hệ thống dây điện đấu nối với 01 cây tròng làm bằng 01 đoạn kim loại thân hình trụ tròn, quấn băng dính màu đen, một đầu bằng đoạn kim loại mềm được uốn thành vòng tròn đường kính khoảng 30cm để chiếm đoạt 01 con chó trị giá 2.400.000 đồng của anh B và chị T tại khu vực đường liên thôn thuộc thôn Giữa, xã K, huyện N, thành phố Hải Phòng. Do đó các bị cáo L và X đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố và đề nghị kết tội các bị cáo L và X về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng điều luật

[3] Xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; tính chất, mức độ tham gia phạm tội, nhân thân của từng bị cáo và quyết định hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo L và X đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của từng bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo X đã bị kết án về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý là tái phạm đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo X và L phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; sau khi phạm tội và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo L là người nghiện ma túy và đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 261/QĐ-TA ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng với thời hạn 22 tháng. Bị cáo X là người nghiện ma túy và đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành

chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 103/QĐ-TA ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng với thời hạn 18 tháng.

Đây là vụ án đồng phạm có nhiều người tham gia nên cần xem xét đánh giá tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo để làm căn cứ cho việc quyết định hình phạt. Trong vụ án này bị cáo L là người đề xuất việc phạm tội, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội và là người thực hành tích cực; bị cáo X giữ vai trò là người giúp sức nên xác định bị cáo X giữ vai trò thấp hơn bị cáo L nhưng bị cáo X đã bị kết án về tội Tiêu thụ tài sản của người khác do phạm tội mà có chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để cải tạo tu dưỡng để trở thành người có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, ý thức coi thường pháp luật nên cần áp dụng mức hình phạt ngang với bị cáo L.

Từ những phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo L và X phạm tội ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật gây mất trị tự trị an tại địa phương, nhân thân các bị cáo đều là người nghiện ma túy và đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt trên khởi điểm của khung hình phạt buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định theo đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa đối với các bị cáo mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét các bị cáo L và X là đều người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo L và X.

[4] Về dân sự: Bị hại là anh B và chị T không yêu cầu các bị cáo L và X phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xác định 01 cây tròng chó (01 đoạn cây bằng kim loại thân hình trụ tròn, quấn băng dính màu đen, một đầu bằng đoạn kim loại mềm được uốn thành vòng tròn đường kính khoảng 30cm), 02 bao tải, 01 hộp kích điện kích thước 11x13x07cm vỏ bằng nhựa màu trắng, 01 công tắc điện màu trắng cùng hệ thống dây điện đấu nối là công cụ các bị cáo L và X sử dụng vào việc phạm tội,

không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 2.000.000 đồng thu của bị cáo L là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo X phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Trong vụ án này anh B, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn 7, xã K, huyện N, thành phố Hải Phòng là người mua chó của L và X nhưng anh B không biết là tài sản do L và X trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển kiểm soát 16H6 - 6321, giám định số khung số máy bị tẩy xóa, khôi phục số khung số máy không phù hợp với biển kiểm soát gắn trên xe nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tách ra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 22 tháng 8 năm 2019).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo X 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 22 tháng 8 năm 2019).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 cây chòng chó (01 đoạn cây bằng kim loại thân hình trụ tròn, quấn băng dính màu đen, một đầu bằng đoạn kim loại mềm được uốn thành vòng tròn đường kính khoảng 30cm); 02 bao tải; 01 hộp kích điện kích thước 11x13x07cm vỏ bằng nhựa màu trắng; 01 công tắc điện màu trắng cùng hệ thống dây điện đấu nối (Tất cả vật chứng đều đã qua sử dụng) (Theo Biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) thu của bị cáo L (Theo biên lai thu tiền số 0000288 ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo X phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- PV 27 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện N;
- Cơ quan điều tra Công an huyện N;
- Cơ quan THAHS Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Uỷ ban nhân dân cấp xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**

+

`